TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 22/7/2020
V/v: Tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Nhường
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Huệ
Bà Lương Thị Thúy Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Thanh Lan - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát *nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Đức Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2020 tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 29/2020/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 3 năm 2020 về *"Tranh chấp về ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXX-ST ngày 28 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị Ch, sinh năm 1985/ có mặt.

HKTT: Tổ dân phố N, phường L, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.h

Chỗ ở hiện nay: Xóm Đông Hồ, xã Thượng Đình, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Cao Quang C, sinh năm 1984/ vắng mặt lần thứ hai.

HKTT và nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường L, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án nguyên đơn chị Dương Thị Ch trình bày: Chị và anh Cao Quang C kết hôn năm 2007, đăng ký kết hôn tại UBND xã L (nay là phường L) thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên. Anh, chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Quá trình C sống thời gian đầu có hạnh phúc, sau đó đến năm 2015 anh C mắc vào tệ nạn xã hội nghiện ma túy, không chịu tu chí làm ăn và có bao nhiêu đồ đạc trong

nhà anh đều mang đi bán hết. Chị đã cùng gia đình đưa anh C đi cai nghiện cộng đồng nhưng khi về anh C lại tái nghiện, không bỏ được ma túy, cuộc sống của chị và các con bị đảo lộn và còn làm ảnh hưởng xấu đến con C. Hiện chị và anh C đã sống ly thân, chị đã đưa hai con về nhà bố mẹ đẻ chị ở xóm Đông Hồ, xã Thượng Đình, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên sinh sống. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng với anh C, yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh C để ổn định cuộc sống.

- Về con C: Chị Ch, anh C có 02 con C là Cao Thị Thúy H1, sinh ngày 12/8/2007 và Cao Quang H2, sinh ngày 26/01/2015. Khi ly hôn chị có nguyện vọng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con C cho đến khi hai con trưởng thành đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con C.

- Về tài sản C và nợ C: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Cao Quang C: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh C để anh C đến Tòa án viết bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh C không đến Tòa án để giải quyết vụ án, do vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử tại phiên tòa ngày hôm nay.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công phát biểu quan điểm đây là vụ án "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình ", căn cứ Điều 28, 35, 39 BLTTDS Tòa án nhân dân thành phố Sông Công thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự (nguyên đơn) kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, đã được thực hiện theo đúng trình tự tố tụng. Không có vi phạm, không có đề xuất kiến nghị gì. Bị đơn chưa chấp hành pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, Điều 227, 228, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, tuyên xử:

- Về quan hệ vợ chồng: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ch, cho chị Ch được ly hôn với anh C.

- Về con C: Đề nghị giao 02 con C là Cao Thị Thúy H1, sinh ngày 12/8/2007 và Cao Quang H2, sinh ngày 26/01/2015 cho chị Ch trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh C cho đến khi chị Ch có yêu cầu.

- Về tài sản C: Không có.

- Về nợ C: Không có

- Về án phí: Chị Ch phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Dương Thị Ch khởi kiện xin ly hôn và đề nghị giải quyết về con C với bị đơn là anh Cao Quang C. Bị đơn có hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại tổ dân phố N, phường L, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo hợp lệ cho nguyên đơn, bị đơn đến Tòa án trình bày bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng anh C đều vắng mặt. Tòa án đã tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh C không đến tham gia tố tụng tại phiên tòa xét xử vụ án, vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt anh Cao Quang C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị Ch và anh Cao Quang C kết hôn năm 2007, trước khi kết hôn anh chị có được tự do tìm hiểu, hôn nhân là tự nguyện, có làm đám cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại UBND xã L (nay là phường L) thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên, được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng C sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C mắc vào tệ nạn xã hội nghiện ma túy, không tu chí làm ăn, có tài sản gì trong gia đình anh đều mang đi bán hết. Chị Ch đã cho anh C nhiều cơ hội để đi cai nghiện trở lại cộng đồng và cùng chị gánh vác cuộc sống gia đình, nhưng anh C không bỏ được ma túy, chị thấy chán nản, không thể tiếp tục sống C cùng anh C, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã ly thân được một thời gian dài, hiện không ai còn quan tâm đến ai.

Tại phiên Tòa chị Ch cương quyết xin ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh C không có ý kiến gì và cũng không đến Tòa án để giải quyết. Hội đồng xét xử đã động viên chị Ch nghĩ lại quay về đoàn tụ vợ chồng, nhưng chị Ch vẫn kiên quyết yêu cầu xin ly hôn do tình cảm vợ chồng với anh C đã hết. Xét thấy chị Ch và anh C không còn quan tâm chăm sóc nhau, vợ chồng ly thân đã lâu không còn khả năng đoàn tụ, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng không thể hàn gắn. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị Ch được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị Dương Chị Ch được ly hôn với anh Cao Quang C.

[3] Về con C: Chị Dương Thị Ch và anh Cao Quang C trong quá trình C sống đã có 02 con C là Cao Thị Thúy H1, sinh ngày 12/8/2007 và Cao Quang

H2, sinh ngày 26/01/2015. Chị Ch có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng hai con C, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con C. Hội đồng xét xử thấy rằng hiện 02 con C đang được chị Ch nuôi dưỡng, chăm sóc. Về điều kiện nuôi con thì chị Ch đang làm tại công ty TNG lương bình quân là 8.000.000 đồng/tháng và có chỗ ở ổn định, hiện tại hai con C đang ở với chị Ch, được chị Ch chăm sóc nuôi dưỡng chu đáo. Cháu Cao Thúy H1 cũng có nguyện vọng được ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn. Hiện tại bố hai cháu là anh Cao Quang C đang nghiện ma túy, không có điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc cho hai con C. Để đảm bảo quyền và lợi ích của người phụ nữ và trẻ em sau khi ly hôn, không làm ảnh hưởng đến tâm sinh lý và đảm bảo sự phát triển toàn diện của con C, thấy cần giao hai con C cho chị Ch trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản C, nợ C: Chị Ch xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Dương Thị Ch phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, Điều 227, 228, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Dương Thị Ch đối với anh Cao Quang C. Cho chị Dương Thị Ch được ly hôn với anh Cao Quang C.

[2]. Về con C:

- Giao 2 con C là Cao Thị Thúy H1, sinh ngày 12/8/2007 và Cao Quang H2, sinh ngày 26/01/2015 cho chị Dương Thị Ch trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi hai con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Anh Cao Quang C có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con C, không ai được phép ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con C.

- Việc cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về tài sản C, nợ C: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Dương Thị Ch phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Ch đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên, biên lai thu số 0007909 ngày 04 tháng 3 năm 2020.

[5]. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các bên đương sự (nguyên đơn, bị đơn) biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án đối với người có mặt và kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai đối với người vắng mặt.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSNDTP. Sông Công;
- THADS TP. Sông Công;
- Các đương sự;
- UBND phường L;
- Lưu VT, HSVA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đỗ Hữu Nhường